|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC THƯƠNG MẠI  Bộ môn: Kinh tế quốc tế  | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM *Độc lập – Tự do – Hạnh phúc* |

**ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN**

**Học phần: Kinh tế quốc tế 1**

**Trình độ đào tạo: Chính quy**

**1. Tên học phần (tiếng Việt): Kinh tế quốc tế 1**

 **Tên học phần** **(tiếng Anh):** **International economics 1**

**2. Mã học phần: FECO1711**

**3. Số tín chỉ: 3 (36,9)**

**4. Cấu trúc:**

|  |  |
| --- | --- |
| * Giờ lý thuyết: 36
* Giờ thực hành: 0
* Giờ tự học: 90
 | * Giờ thảo luận: 9
* Giờ báo cáo thực tế: 0
 |

**5. Điều kiện của học phần:**

- Học phần tiên quyết: Mã HP:

- Học phần học trước: Kinh tế vi mô Mã HP: FECO1921

- Học phần song hành: Không Mã HP:

- Điều kiện khác:

**6. Mục tiêu của học phần**:

Mục tiêu chung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để sinh viên hiểu được cơ sở của các hoạt động kinh tế quốc tế, bao gồm các hoạt động thương mại quốc tế và sự phân chia lợi ích giữa các quốc gia khi tham gia các hoạt động kinh tế quốc tế. Đồng thời, môn học cũng cung cấp các kiến thức cơ bản về sự hình thành và vận động của thị trường quốc tế, mối liên hệ giữa lợi ích có được từ thương mại quốc tế với các mô hình tăng trưởng trong điều kiện hội nhập.

 - Mục tiêu cụ thể: cung cấp kiến thức nền tảng giúp sinh viên hiểu, nắm bắt các vấn đề thương mại quốc tế trong phạm vi quốc gia ; cung cấp kiến thức để hoạch định chiến lược, chính sách và kế hoạch kinh doanh thương mại quốc tế của doanh nghiệp phù hợp với các quy luật kinh tế quốc tế đang diễn ra trong phạm vi quốc gia và trên thế giới.

**7. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi học xong học phần, sinh viên đạt được các chuẩn đầu ra sau đây (CLO):

- CLO1: Nhớ và hiểu được các nguyên tắc, hình thức, xu hướng vận hành của hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

 - CLO2: Phân tích được nội dung của các học thuyết kinh tế quốc tế, các quy luật phân bổ thặng dư trong hoạt động kinh tế quốc tế tại các quốc gia.

- CLO3: Đánh giá được nội dung và tác động của tăng trưởng sản xuất và vận động của thị trường quốc tế đối với mỗi quốc gia trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện đại.

- CLO4: Áp dụng được lý thuyết vào tình huống cụ thể để tính toán thặng dư, đánh giá lợi ích và ảnh hưởng của các hoạt động thương mại quốc tế, của các hoạt động tăng trưởng sản xuất và sự vận động của thị trường quốc tế đối với các quốc gia trong bối cảnh kinh tế quốc tế hiện nay.

- CLO5: Đào tạo cho sinh viên ý thức trách nhiệm đối với công việc được giao, có thái độ chủ động cập nhật kiến thức, tích cực tham gia hoàn thành nhiệm vụ của tập tập thể, công việc nhóm, đạt được các chuẩn năng lực và thái độ đạt được theo chuẩn đầu ra của chuyên ngành ở mức độ đóng góp trung bình.

**8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các lý thuyết thương mại quốc tế, giải thích lý do xuất hiện dòng di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia. Học phần cũng giới thiệu các mô hình thương mại quốc tế, sự hình thành và thay đổi giá cả trên thị trường quốc tế, khả năng chấp nhận thương mại của các quốc gia. Bên cạnh đó, học phần xem xét ảnh hưởng của tăng trưởng đối với thương mại quốc tế trong điều kiện nền kinh tế mở.

*Summary of the course’s content: The course provides students with basic knowledge of international trade theories, international trade models, major principles in the international trade activities such as international price elaboration in the global market, trade offer curve of the countries, and influence of growth to international trade in the opening economy conditions.*

**9. Cán bộ giảng dạy học phần**

9.1. CBGD cơ hữu:

|  |  |
| --- | --- |
| * Ths Nguyễn Thùy Dương
* Ths Phan Thu Giang
* TS Nguyễn Duy Đạt
 |  |

9.2. CBGD kiêm nhiệm: Không

9.3. CBGV thỉnh giảng: Không

**10. Đánh giá học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần****đánh giá** | **Trọng****số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric** | **Liên quan đến CĐR của HP** | **Hướng dẫn****đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **1. Điểm chuyên cần (**$Đ\_{1}$**)** $$ $$ | **0,1** | Chuyên cần | 0,8 | R1 | CLO5 | GV đánh giá mức độ đi học đầy đủ, chuyên cần của SV |
| Ý thức học tập trên lớp | 0,2 | CLO5 | GV đánh giá mức độ phát biểu, trao đổi ý kiến của SV liên quan đến bài học và hiệu quả của các đóng góp; mức độ vi phạm kỷ luật của SV trên lớp (vào lớp muộn, gây mất trật tự, không chú ý nghe giảng, không tuân thủ điều hành của GV) |
| **2. Điểm thực hành (**$Đ\_{2}$**)** | **0,3** |  |  |  |  |  |
| *2.1. Điểm kiểm tra* (Đkt) | *0,15* | *Bài kiểm tra số 1* | *0,5* |  | *CLO1, CLO2, CLO3* | *GV chấm bài kiểm tra* |
| *Bài kiểm tra số 2* | *0,5* |  | *CLO1,CLO2, CLO3, CLO4* |
| *2.2. Điểm đổi mới phương pháp học tập* (Đđm) | *0,15* | *Bài thảo luận nhóm* | *0,3* | *R2* | *CLO1,CLO2,CLO3,CLO4,CLO5* | *GV đánh giá mức độ đạt yêu cầu về hình thức và nội dung bài thảo luận nhóm* |
| *Thuyết trình, bảo vệ của nhóm*  | *0,4* | *R3* | *CLO1,CLO2,CLO3,CLO4,CLO5* | *GV đánh giá phần trình bày slide, khả năng thuyết trình và bảo vệ bài báo cáo*  |
| *Nhận xét, nêu câu hỏi phản biện của nhóm* | *0,2* | *R4* | *CLO1,CLO2,CLO3,CLO4,CLO5* | *Giảng viên đánh giá phần nhận xét thuyết trình, đặt câu hỏi phản biện và sự đóng ngóp, ý kiến cho đề tài thảo luận* |
|  |  | *Điểm nhóm thảo luận lớp học phần tự giá các thành viên trong nhóm* | *0,1* | *R5* | *CLO5* | *Các nhóm thảo luận tổ chức họp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, đóng góp vào kết quả chung và việc chấp hành sinh hoạt nhóm của từng thành viên trong nhóm* |
| **3. Điểm thi hết HP (**$Đ\_{3}$**)** | **0,6** | Bài thi cuối kỳ: Thi tự luận theo Ngân hàng đề thi |  |  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Bộ môn phân công GV chấm bài thi theo quy định |

- Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần bao gồm các điểm thành phần, điểm
thi cuối kỳ và điểm học phần theo quy định của khảo thí. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần sau đó quy đổi sang thang điểm chữ.

 *\* Ghi chú:*

(1) Điểm học phần được tính theo công thức sau: **Đhp =** $\sum\_{1}^{3}k\_{i}Đ\_{i} $

 Trong đó: **Đhp**: Điểm học phần, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

 **Đ**i : Điểm thành phần i (i = 1,2,3)

 **ki** : Trọng số điểm thành phần i (i = 1,2,3)

(2) Điểm thực hành được tính theo công thức sau: Đth = $\frac{Đkt + Đđm}{2}$

 Trong đó: **Đth**: Điểm thực hành, lấy chính xác đến 1 chữ số thập phân

 **Đkt**: Điểm kiểm tra trung bình các bài kiểm tra

Đkt = $\frac{\sum\_{1}^{n}Đkt\_{i} }{n}$

($Đkt\_{i}$: Điểm kiểm trai; n: Số bài kiểm tra)

 Đđm: Điểm đổi mới phương pháp học tập, lấy chính xác đến 1 chữ số

 thập phân.

*Điểm đổi mới có thể có nhiều điểm thành phần sẽ được tính như sau: Đđm = ∑ kiĐđmi*

*(Đđmi: Điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i*

*ki: Trọng số điểm đổi mới phương pháp học tập thành phần thứ i)*

(3) Rubric đánh giá điểm thành phần

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần****đánh****giá** | **Tiêu chí****đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | **Trọng số** |
| **Mức F** **(0-3,9 điểm)** | **Mức D** **(4,0-5,4 điểm)** | **Mức C****(5,5-6,9 điểm)** | **Mức B****(7,0-8,4 điểm)** | **Mức A****(8,5-10 điểm)** |
| R1 | *Chuyên cần* | Vắng mặt trên lớptrên 40%(Trường hợp này đồng nghĩa với việc người học không đủ điều kiện dự thi hết học phần) | Vắng mặt trên lớp từ trên 30-40% | Vắng mặt trên lớptừ trên 20-30% | Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20% | Vắng mặt trên lớp từ 0-10% | 0,8 |
| *Ý thức**học tập trên lớp* | Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm kỷ luật  | Hiếm khi phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm kỷ luật  | Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm kỷ luật  | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm kỷ luật  | Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm kỷ luật | 0,2 |
| R2 | *Hình thức bài thảo luận nhóm* | Không tuân thủ bố cục chung và yêu cầu của Giảng viên | Sơ sài, không đủ dung lượng; | Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng | Rõ ràng, logic | Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp | 0,2 |
| *Nội dung bài thảo luận nhóm* | Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu | Hầu như các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng | Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng | Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng và dễ hiểu | Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu | 0,8 |
| R3 | *Trình**bày slide* | Không có bài trình bày hoặc Slide quá nhiều lỗi, không tuân thủ yêu cầu của Giảng viên | Slide trình bày quá sơ sài, và ít hình ảnh minh họa | Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn khá nhiều, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng  | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, thỉnh thoảng có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày | Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày | 0,5 |
| *Thuyết**Trình, bảo vệ đề tài thảo luận* | Không có người trình bày, Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu | Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ; Vượt quá rất nhiều thời gian quy định; chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém | Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng nhưng chưa liền mạch, còn phụ thuộc nhiều vào tài liệu, hơi quá quy định về thời gian trình bày, có tương tác với người nghe ở mức độ thấp; Người nghe có thể hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi trung bình | Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ | Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ | 0,5 |
| R4 | *Bài nhận xét phản biện* | Không chú ý theo dõi bài thuyết trình, không đưa ra được nhận xét phản biện  | Bài nhận xét phản biện sơ sài, không đúng yêu cầu | Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ | Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ | Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ | 0,5 |
| *Nêu câu hỏi phản biện* | Ý thức tham gia phản biện yếu, không đưa ra được câu hỏi | Tư duy phản biện kém, hầu hết câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm | Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm | Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện khá đúng trọng tâm | Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay | 0,5 |
| R5 | *Điểm nhóm thảo luận lớp học phần tự giá các thành viên trong nhóm* | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức thấp | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao | Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao | 1.0 |

**11. Danh mục tài liệu tham khảo của học phần**

[1] Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai, 2012, *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[2] Paul R. Krugman & Maurice Obstfeld, 1996, *Kinh tế quốc tế: lý thuyết và chính sách*, NXB Chính trị quốc gia.

[3] Thomas A. Pugel, 2003, *International Economics*, twelfth edition, McGraw – Hill, New York.

**12. Kế hoạch và nội dung giảng dạy của học phần**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Các nội dung cơ bản theo chương, mục***(đến 3 chữ số)* | **Phân bổ** **thời gian** | **CĐR của chương** | **Phương pháp** **giảng dạy**  | **Hoạt động học của SV** | **Tài liệu tham khảo** |
| **LT** | **TL/TH** | **KT** |
| 1 | **Bài mở đầu: Tổng quan học phần Kinh tế Quốc tế 1** 1. Một số khái niệm2. Vai trò của kinh tế quốc tế trong bối cảnh hội nhập3. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu học phần4. Phạm vị và mục tiêu nghiên cứu của môn học5. Một số vấn đề kinh tế quốc tế hiện đại | 1 |  |  | CLO1 | Diễn giải, thuyết trình | Nghe giảng, nhớ và hiểu nội dung, thảo luận, trả lời câu hỏi | [1]Tr 3-11 |
| 2 | **Chương 1: Các lý thuyết cổ điển về thương mại quốc tế** 1.1. Lý thuyết của trường phái trọng thương1.1.1. Nội dung lý thuyết về thương mại quốc tế của trường phái trọng thương1.1.2. Minh họa lý thuyết về thương mại quốc tế của trường phái trọng thương1.2. Lý thuyết về lợi thế tuyệt đối của Adam Smith1.2.1. Quy luật lợi thế tuyệt đối1.2.2. Minh họa về quy luật lợi thế tuyệt đối1.2.3. Tính toán thặng dư và khung trao đổi1.3. Lý thuyết về lợi thế so sánh của David Ricardo1.3.1. Quy luật lợi thế so sánh1.3.2. Minh họa về quy luật lợi thế so sánh1.3.3. Lợi thế so sánh với sự tham gia của tiền tệ1.4. Lý thuyết về chi phí cơ hội của Habeler - Thương mại quốc tế trong trường hợp chi phí tăng1.4.1 Mô hình thương mại trong trường hợp chi phí cơ hội tăng dần1.4.2. Thặng dư từ trao đổi và từ chuyên môn hóa1.4.3. Trường hợp nước nhỏ và thương mại quốc tế***Nghiên cứu trường hợp:*** Mô hình phát triển kinh tế dựa trên lợi thế so sánh động và lợi thế so sánh tĩnh của Malaixia và Inđônêxia. | 6 | *2* | *0* | CLO1CLO2CLO4CLO5 | Diễn giải, thuyết trình  | Nghe giảng, nhớ và hiểu nội dung, thảo luận, trả lời câu hỏi | [1]Tr 12 – 58[3]Tr 17 - 43 |
| 3 | **Chương 2: Các lý thuyết hiện đại về thương mại quốc tế** 2.1. Mô hình thương mại dựa trên sự khác biệt về sở thích thị hiếu2.1.1 Cơ sở của mô hình thương mại dựa trên sự khác biệt về thị hiếu2.1.2. Xây dựng và đánh giá mô hình thương mại2.2. Lý thuyết về sự dư thừa nhân tố của Heckscher Ohlin 2.2.1. Cơ sở của lý thuyết Heckscher Ohlin2.2.2. Nội dung của lý thuyết Heckscher Ohlin2.2.3. Định lý cân bằng hoá giá cả hàng hoá và yếu tố sản xuất2.2.4. Ảnh hưởng của thương mại đối với phân phối thu nhập2.3. Mô hình thương mại dựa trên kinh tế theo quy mô 2.3.1. Cơ sở và lợi ích của kinh tế theo quy mô2.3.2. Xây dựng mô hình thương mại dựa trên kinh tế theo quy mô2.3.3. Kinh tế theo quy mô và thương mại nội ngành2.4. Thương mại quốc tế và chu kỳ sống của sản phẩm2.4.1. Các giai đoạn trong chu kỳ sống của sản phẩm2.4.2. Khe hở công nghệ và thương mại quốc tế 2.5. Thương mại quốc tế và chi phí vận tải2.5.1. Chi phí vận tải và hàng hóa phi thương mại2.5.2. Chi phí vận tải và sự phân bố của các ngành sản xuất***Nghiên cứu trường hợp:*** Sự chuyển dịch của Trung quốc khỏi nông nghiệp và học thuyết Heckscher Ohlin | 8 | 2 | 1 | CLO1, CLO2CLO4CLO5 | Diễn giải, thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Nghe giảng, nhớ, hiểu, phân tích tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi | [1]Tr 58 – 60Tr 80 - 134[3]Tr 17 – 43Tr 61 - 108 |
| 4 | **Chương 3: Thị trường quốc tế và đường chấp nhận thương mại**3.1. Cung cầu và giá cả trên thị trường quốc tế3.1.1. Yếu tố quyết định đường cung thị trường quốc tế3.1.2. Yếu tố quyết định đường cầu thị trường quốc tế3.1.3. Giá cả cân bằng trên thị trường quốc tế3.2. Đường chấp nhận thương mại3.2.1. Khái niệm và nguồn gốc đường chấp nhận thương mại 3.2.2. Phân tích cân bằng chung3.3. Tương quan thương mại3.3.1. Khái niệm và đo lường tương quan thương mại3.3.2. Ý nghĩa của việc đo lường tương quan thương mại***Nghiên cứu trường hợp:*** Giá cả hàng hóa bóp méo cán cân thương mại toàn cầu | 10 | 3 | 0 | CLO3, CLO4CLO5 | Diễn giải, thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Nghe giảng, phân tích, đánh giá tình huống, thảo luận, trả lời câu hỏi | [1]Tr 62 - 79 [2]Tr 83 - 98 |
| 5 | **Chương 4: Tăng trưởng và thương mại quốc tế**4.1. Tăng trưởng các nhân tố sản xuất và tiến bộ kỹ thuật4.1.1. Tăng trưởng đều của vốn và lao động theo thời gian4.1.2. Học thuyết Rybczynski4.1.3. Tiến bộ kỹ thuật và đường giới hạn sản xuất4.2. Các mô hình tăng trưởng và thương mại quốc tế4.2.1. Tăng trưởng và thương mại quốc tế - Trường hợp nước nhỏ4.2.2. Tăng trưởng và thương mại quốc tế - Trường hợp nước lớn4.2.3. Tăng trưởng, thay đổi thị hiếu và thương mại trong cả hai quốc gia | 9 | 3 | 1 |  CLO3, CLO4CLO5 | Diễn giải, thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Nghe giảng, phân tích, đánh giá, áp dụng vào xây dựng một chính sách kinh tế quốc tế phù hợp thảo luận, trả lời câu hỏi, làm bài kiểm tra 1 tiết | [1]Tr 135 – 166[3]Tr 112 - 128 |

Lưu ý:

**1. Hướng dẫn thực hiện giờ thảo luận:**

- Trong 18 giờ thảo luận có 9 giờ dự giảng thảo luận trên lớp và 9 giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến. Giảng viên có thể lựa chọn phương tiện hướng dẫn phù hợp điều kiện thực tế.

- Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến nhằm giúp các nhóm thảo luận có bài thảo luận hoàn chỉnh trước khi thực hiện giờ thảo luận trên lớp. Giờ hướng dẫn làm bài thảo luận trực tuyến bao gồm các công việc: Hướng dẫn đề cương bài thảo luận, hướng dẫn tìm tài liệu tham khảo, góp ý bản thảo bài thảo luận, giải đáp thắc mắc,… (có minh chứng bản sửa đề cương và bản sửa bài thảo luận).

**2. Hình thức giảng dạy và đánh giá học phần:**

Quá trình tổ chức giảng dạy, đánh giá học phần được triển khai theo hình thức trực tiếp, hoặc trực tuyến, hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến, bảo đảm quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Thương mại về tổ chức đào tạo và khảo thí.

*Ngày tháng năm 2020*

**TRƯỞNG KHOA** **TRƯỞNG BỘ MÔN**

 (Ký và ghi rõ họ tên) (Ký và ghi rõ họ tên)

 

 TS. Nguyễn Duy Đạt  **TS. Nguyễn Bích Thủy**

 **HIỆU TRƯỞNG**